

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v: “*Tranh chấp quan hệ
hôn nhân, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Đặng Văn Đê

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12-11-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19-11-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Tổ 1, Ô2, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: 6/2C ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Võ Quốc T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1, Ô2, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người làm chứng: Bà Võ Thị B, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1, Ô2, ấp T, xã H, thành phố, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quốc T chính thức chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng thời gian cách đây khoảng 7, 8 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nặng lời làm tổn thương lẫn nhau. Từ khi sinh con đến nay mọi chuyện trong gia đình đều do bà N phải tự lo liệu, gánh vác, bà N tự mình chăm sóc nuôi dạy con chung cả về vật chất

lẫn tinh thần. Vì con còn nhỏ bà N cố gắng chịu đựng và đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông T không thay đổi. Từ năm 2017 đến nay mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng ông bà đã ly thân, không còn nói chuyện, quan tâm chia sẻ với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Hiện bà N đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Từ khi bà N làm đơn ly hôn ông T biết nhưng không có biểu hiện gì mong hàn gắn. Cuộc sống rất căng thẳng mệt mỏi, bà cảm thấy không thể tiếp tục với ông T được nữa nên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Mặc dù đã nhận được thư mời của Tòa nhưng ông T nhiều lần vắng mặt, cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án, bà N cảm thấy rất mệt mỏi và ảnh hưởng đến công việc. Vì thế bà đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung là Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 01-01-2008. Hiện cháu N đang sống chung với bà N nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập đến Tòa làm việc nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông T.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Trung, kết quả Tổ trưởng tổ dân cư số 01, ấp T, xã H, thành phố B xác nhận ông Võ Quốc T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại: Tổ 01, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng với bà N và con. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai người làm chứng để xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà N.

[2]. Về ý kiến của người làm chứng bà Võ Thị B:

Bà B là mẹ ruột của ông Võ Quốc T nên bà biết rõ về mối quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà N. Bà B cho biết: Sau khi kết hôn ông T và bà N sống riêng tại một căn nhà sát cạnh nhà của bà B. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông T ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bản thân bà cùng với bà N cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không thay đổi, thỉnh thoảng lại bỏ đi làm ăn xa một thời gian. Hiện bà N đã dẫn con về bên ngoại sinh sống và có đơn yêu cầu ly hôn. Bà B là người đã nhận thay các văn bản, giấy tờ của Tòa án và đã báo cho ông T biết nhưng ông T không chịu đến Tòa để làm việc. Theo bà B thì mâu thuẫn giữa ông T và bà N khó có thể hàn gắn được vì mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của ông

T. Tuy nhiên việc ly hôn hay không là do ông T và bà N quyết định bà không có ý kiến gì.

Quá trình chung sống ông T và bà N có 01 con chung là Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 01-01-2008, hiện cháu N đang sống chung với bà N. Theo bà B thì việc bà N trực tiếp nuôi con là hợp lý hơn và cháu sẽ được chăm sóc nuôi dưỡng tốt hơn. Theo bà B thì ông T và bà N không có tài sản gì chung và cũng không có nợ chung.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn ông T chưa chấp hành mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai người làm chứng và lời trình bày của bà N tại phiên tòa, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông T; về con chung: theo nguyện vọng của cháu N, bà N được quyền nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí: bà N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn, ông Võ Quốc T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại thành phố B nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quốc T là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con. Bà N đã cố gắng chịu đựng, khuyên bảo để vợ chồng chung sống chăm lo nuôi dạy con chung nhưng ông T không sửa đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng ông bà đã ly thân hơn 2 năm nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, không có sự chia sẻ với nhau. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà N vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn. Bản thân ông T biết rõ việc bà N yêu cầu ly hôn và đã nhận được thông báo thụ lý, các thông báo về phiên hòa giải, quyết định xét xử của Tòa án nhưng không đến Tòa làm việc để trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà N mà bỏ mặc, điều đó thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ lời khai của bà Võ Thị B là mẹ ruột của ông T, bà B cũng xác nhận mâu thuẫn giữa ông T và bà N là có thật và đã xảy ra từ nhiều năm nay, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do lỗi của ông T cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà N là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà N và ông T là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông T có 01 con chung là Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 01-01-2008. Hiện cháu N đang sống chung với bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Theo nguyện vọng của cháu N và để đảm bảo cho cháu có điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 01-01-2008 đến tuổi trưởng thành. Việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác nhận xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà N phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

+ **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Quốc T.

+ **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quốc T có 01 con chung là Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 01-01-2008. Theo nguyện vọng của cháu N, bà Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 01-01-2008 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2019/0000785 ngày 12-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-11-2019), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TPBR;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh

